

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**                      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN ĐỒNG PHÚ**    **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2024

Về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Nguyên Hoàng**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Việt Xứng**

Ông **Vũ Trung Thành**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Duy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước:* Ông **Tạ Văn Phú** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2023/TLST – HN&GD ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HPT ngày 11/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: **Đường H, khu phố T, thị trấn T, tỉnh Bình Phước**. (Có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà **Đặng Thị Ngọc T**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: **Đường H, khu phố T, thị trấn T, tỉnh Bình Phước**. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 5 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án ông **Nguyễn Xuân H** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà **Đặng Thị Ngọc T1** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn và được **Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/3/2013. Từ đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không còn lo lắng, chăm sóc cho nhau. Từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay chúng tôi đã sống ly thân với nhau.

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, chung sống với nhau không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn

với bà **Đặng Thị Ngọc T.**

Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Đăng Quỳnh H1**, sinh ngày 30/6/2013 và **Nguyễn Xuân H2**, sinh ngày 06/01/2017. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Xuân H2**, sinh ngày 06/01/2017, giao con chung **Nguyễn Đăng Quỳnh H1**, sinh ngày 30/6/2013 cho bà **T** trực tiếp nuôi con, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra ông **Nguyễn Xuân H** không yêu cầu gì thêm.

Ông **Nguyễn Xuân H** có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

- Bà **Đặng Thị Ngọc T** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ 02 không có lý do, không cung cấp bản khai ý kiến cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Xuân H**.

1. Về hôn nhân: Đề nghị tuyên xử cho ông **Nguyễn Xuân H** được ly hôn với bà **Đặng Thị Ngọc T**.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị giao cháu **Nguyễn Xuân H2**, sinh ngày 06/01/2017 cho ông **Nguyễn Xuân H** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **Nguyễn Đăng Quỳnh H1**, sinh ngày 30/6/2013 cho bà **Đặng Thị Ngọc T** trực tiếp nuôi con, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;**

*Về quan hệ pháp luật:* Ông **Nguyễn Xuân H** yêu cầu được ly hôn với bà **Đặng Thị Ngọc T**, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Xuân H2**, sinh ngày 06/01/2017, đề nghị giao con chung **Nguyễn Đăng Quỳnh H1**, sinh ngày 30/6/2013 cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Do bị đơn là bà **Đặng Thị Ngọc T** đang sinh sống và làm việc tại: **Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

*Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thông báo, quyết định tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Đặng Thị Ngọc T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, cần áp dụng Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

*Yêu cầu của đương sự:*

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H và bà Đặng Thị Ngọc T kết hôn với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/3/2013. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 9 và 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong thời gian chung sống với nhau hai ông bà hạnh phúc được khoảng 08 năm thì bất đầy xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn lo lắng, chăm sóc cho nhau và hiện tại đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Bà Đặng Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng bà T không chấp hành, cho thấy thái độ bỏ mặc, không tích cực hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn. Nay ông Nguyễn Xuân H xác định tình cảm mà ông dành cho bà T đã thực sự hết và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đặng Thị Ngọc T.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa ông Nguyễn Xuân H và bà Đặng Thị Ngọc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông Nguyễn Xuân H yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Ngọc T là có căn cứ và được chấp nhận.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Đặng Quỳnh H1, sinh ngày 30/6/2013 và Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 06/01/2017. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 06/01/2017, giao con chung Nguyễn Đặng Quỳnh H1, sinh ngày 30/6/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo lời khai của ông H, từ khi ly thân đến nay hai cháu H1 và H2 ban ngày ở cùng với ông và ông bà nội đến buổi tối thì về ở với mẹ. Ngoài ra, bà T cũng không thực hiện quyền lợi của mình là đến Tòa án trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Qua xác minh thể hiện đúng như lời khai của ông H hiện nay hai cháu H1 và H2 đang sống chung với ông bà nội. Các cháu hiện nay đang còn nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc và cũng cần có sự ổn định để phát triển lâu dài, hiện tại hai cháu vẫn đều ổn định cuộc sống đồng thời xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Đặng Quỳnh H1 muốn được ở với mẹ để thuận tiện trong việc ăn ở và đi học nguyện vọng của cháu Nguyễn Xuân H2 là được ở cùng với ba. Ông H và bà T đều đi làm có thu nhập ổn định. Do đó, để cuộc sống của các cháu không bị ảnh hưởng nên cần giao cháu Nguyễn Xuân H2 cho ông Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đặng Quỳnh H1 cho bà Đặng Thị Ngọc T nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con và ông H cũng không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho ông Nguyễn Xuân H được ly hôn với bà Đặng Thị Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 06/01/2017 cho ông Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đặng Quỳnh H1, sinh ngày 30/6/2013 cho bà Đặng Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Xuân H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005433 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Ông Nguyễn Xuân H đã nộp đủ.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận: T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bình Phước; **Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND P. Tân Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Nguyên Hoàng**

